

Bản án số: 28/2025/HS-PT
Ngày 09 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương và bà Từ Thị Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo: Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T do có kháng cáo của các bị cáo này đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2025/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXPT-HS ngày 15 tháng 4 năm 2025.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trịnh Ngọc L, sinh ngày 28/12/1978 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Số C đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Hùng S và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Mai Thị H; có 02 đứa con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; có 01 tiền án: bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 246/2016/HS-ST ngày 23/9/2016; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/8/2024 cho đến nay; có mặt.

2. Lê Trung D, sinh ngày 18/5/1985 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh S1 và bà Trần Thị Bích H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/8/2024 cho đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác: Ó), sinh ngày 15/9/1984 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T2 (đã chết) và bà Trần Thị N; có vợ là Đặng Thị T3; có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất

sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; quá trình nhân thân: ngày 02/7/2003 bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 35 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2022/HS-ST ngày 31/5/2022; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/8/2024 cho đến nay; có mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Hà Anh T4, bị hại Nguyễn Chí T5, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án - anh Phạm Văn D1, tuy nhiên, những người này không có kháng cáo, án sơ thẩm không bị kháng nghị nên không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/10/2019, Trịnh Ngọc L đến thành phố T, tỉnh Phú Yên chơi thì gặp Lê Trung D cũng đang làm việc tại đây. Quá trình nói chuyện thì L có nói với D “Có loại thuốc dùng vào việc đánh bài và điều khiển người chơi theo ý muốn của mình và làm họ thua tiền”, rồi nói D tìm người có tiền để cho uống loại thuốc trên và rủ đánh bạc. Quá trình đánh bạc, L nói L sẽ sử dụng kỹ thuật cờ bạc “bịp” (bọc lót, sắp xếp bài) để chiếm đoạt tiền của họ thì D đồng ý. Sau khi bàn bạc, L trở về nhà và tìm kiếm trên mạng Internet (L khai nhận không nhớ rõ trang web, số điện thoại) đặt hàng và mua 01 lọ thuốc “ham đánh bạc” với giá 2.500.000 đồng. Còn D sau khi gọi điện thoại cho Nguyễn Hoàng T và rủ: “Có ông anh nói có thuốc dùng để đánh bài, kiếm người mô giàu có, với có tiền thì cho thuốc vào rồi rủ họ đánh bài thì mình ăn được tiền nhanh” thì T cũng đồng ý.

Đến sáng ngày 29/10/2019, D gọi điện thoại cho Nguyễn Hoàng T và hỏi đã tìm được “con mồi” để rủ đánh bài chưa thì T trả lời: “Giờ chỉ còn thằng T6” (tức là Nguyễn Chí T5). Sau đó, D gọi điện thoại cho L và nói đã tìm được người rồi và rủ L về để thực hiện kế hoạch như đã bàn bạc thì L đồng ý.

Đến chiều ngày 31/10/2019, L rủ Hà Anh T4 về Quảng Bình đánh bạc, rồi L cũng nói quá trình đánh bạc sẽ sử dụng kỹ thuật đánh bạc “bịp” để thắng tiền, nếu thắng tiền L sẽ cho tiền và T4 cũng đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, L điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 49A - 185.11 chở T4 và 01 người đàn ông tên là N1 (không rõ nhân thân lai lịch, là người quen của bạn L xin đi nhờ để về tỉnh Hà Tĩnh) đi từ thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đến tỉnh Quảng Bình. Khi đi đến hầm H, thành phố Đà Nẵng thì dừng đón D (trước đó D đã đi xe khách từ thành phố T, tỉnh Phú Yên ra đến hầm H).

Đến khoảng 10 giờ ngày 01/11/2019, cả nhóm về đến thị xã B rồi đến một quán cà phê tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để gặp Nguyễn Hoàng T. Tại đây, L và D xuống xe để gặp Nguyễn Hoàng T rồi 03 người cùng bàn bạc và thống nhất nội dung cụ thể như sau: Nguyễn Hoàng T sẽ gọi điện rủ Nguyễn Chí T5 đi nhậu tại quán “L” thuộc tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, sau đó L sẽ đưa cho D

lọ thuốc “ham đánh bạc” để D bỏ vào bia cho Nguyễn Chí T5 uống, rồi rủ Nguyễn Chí T5 đi đánh bạc nhằm chiếm đoạt tài sản.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, cả bốn người gồm: L, D, T4, N1 về thuê phòng, tắm rửa tại khách sạn H3, thuộc tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Đến 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Hoàng T điều khiển xe ô tô đến khách sạn H3 đón D đi đến quán nhậu “L” tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. L lái xe ô tô chở T4 đi theo sau, còn N1 thì đi ăn, rồi bắt xe ô tô về Hà Tĩnh. Khi đến quán nhậu, để tránh Nguyễn Chí T5 nghi ngờ nên D và Nguyễn Hoàng T ngồi một bàn riêng, L và T4 ngồi một bàn riêng như kế hoạch đã bàn bạc, sau đó L đưa cho D lọ thuốc “ham đánh bạc” (có hình trụ tròn, kích thước đường kính khoảng 1cm, cao khoảng 3cm, bên trong có chứa chất lỏng màu trắng đục, thể tích khoảng gần 1/2 lọ), còn Nguyễn Hoàng T gọi điện cho Nguyễn Chí T5 mời đến nhậu tại quán “Lương Tròn” thì Nguyễn Chí T5 đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Nguyễn Chí T5 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 73A - 086.33 đến rồi ngồi vào bàn nhậu của D và Nguyễn Hoàng T. Khi ngồi nhậu tại quán, do không biết ai là “con mồi” nên T4 có hỏi L, khi nghe L trả lời: “Người trắng, tròn, đẹp trai” thì T4 mới biết đó là Nguyễn Chí T5. Sau đó, L và T4 lần lượt qua mời bia bàn nhậu của D với lý do giao lưu làm quen, hai bên có mời bia qua lại một thời gian thì nhập lại thành một bàn để nhậu chung. Quá trình nhậu, D ra hiệu cho L ra ngoài và nói với L vì D là người quen của Nguyễn Chí T5 nên ngại không dám bỏ thuốc vào bia của Nguyễn Chí T5, thấy vậy L nói nếu D không bỏ thì để Lâm bỏ và nhận lại lọ thuốc trên từ D rồi hai người cùng đi vào quán tiếp tục nhậu. Quá trình nhậu, lợi dụng lúc Nguyễn Chí T5 không để ý, L đã mở lọ thuốc “ham đánh bạc” và bỏ một phần nước màu trắng đục trong lọ thuốc vào lon bia của Nguyễn Chí T5 rồi rót ra cốc cho Nguyễn Chí T5 uống. Sau khi tiếp tục nhậu được một lúc nữa thì L nói mỗi người bỏ ra 1.000.000 đồng để đánh bạc, nếu ai thắng sẽ lấy số tiền trên đi hát karaoke chứ không ai mời ai thì tất cả đều đồng ý. Sau đó tất cả rời khỏi quán nhậu và đi đến nhà của Phạm Văn D1 (trên đường đi, Lê Trung D ghé tiệm tạp hóa mua 02 bộ bài tú lơ khơ). Khi đến nhà của Phạm Văn D1 thì tất cả những người trên đi lên tầng 02 và đi vào gian phòng phía sau, gần nhà vệ sinh rồi trải chiếc chiếu nhựa có sẵn trong phòng ra giữa sàn nhà và đánh bạc ăn tiền dưới hình thức “Xì lác”. Cụ thể: tất cả sử dụng một bộ bài tú lơ khơ loại 52 quân bài, chia cho mỗi người 02 quân bài, người chia bài gọi là “Cái”, mỗi người chơi sẽ tự xem điểm của mình, tùy số điểm mà người chơi lần lượt bốc thêm bài hay không. Người bốc đầu tiên là người bên tay phải của “Cái”, sau đó người cầm “Cái” là người bốc bài cuối cùng. Cách thức tính điểm cụ thể như sau: Các lá bài: “2”, “3”, “4”, “5”, “6”, “7”, “8”, “9”, “10” thì số điểm tương ứng với từng con số. Các lá bài: “J”, “Q”, “K” thì mỗi lá được tính 10 điểm. Lá bài “A” nếu ván bài có 03 quân bài thì quân bài “A” được tính 01 điểm hoặc 10 điểm hoặc 11 điểm. Nếu từ 04 quân bài trở lên thì tính 01 điểm.

Sau khi bốc bài xong thì sẽ tính điểm tổng của các quân bài, trong đó 21 điểm là lớn nhất và 16 điểm là nhỏ nhất, nếu ai dưới 16 điểm thì gọi là “Ăn non” và bị thua. Khi chia bài xong nếu người chơi thuộc các trường hợp sau đây thì trình diện cho người cầm “cái” để thắng cược: “Xì lác”: là có 01 quân bài “A” và thêm một trong các quân bài: “10”, “J”, “Q”, “K”. “Xì bàn”: là có 02 quân bài “A”. Nếu người chơi “Xì bàn” thì

sẽ thắng gấp đôi số tiền cược. Nếu cái mà thuộc một trong hai trường hợp trên thì sẽ thắng hết những người chơi, ngoại trừ những người chơi nào có bài bằng hoặc hơn. Sau khi chia bài xong, nếu người chơi bốc thêm bài thì không được quá 05 quân. Khi bốc mà tổng số điểm 05 quân bài cộng lại không quá 21 điểm thì gọi là “Ngũ linh”. Trong quá trình đánh bạc thì người chơi đặt cược tiền với người cầm “Cái”, số tiền đặt cược tùy thích, thông thường người chơi nào có ván “Xì lác” sẽ được quyền cầm cái cho đến khi có người khác “Xì lác” sẽ chuyển cho người đó cầm cái. Tỷ lệ thắng bằng tỷ lệ đặt cược, ví dụ: nếu người chơi đặt cược số tiền 200.000 đồng nếu thắng sẽ được 200.000 đồng, riêng “Xì bàn” sẽ thắng gấp đôi.

Khi mới bắt đầu đánh bạc, nhằm tạo lòng tin, tránh Nguyễn Chí T5 nghi ngờ việc sắp xếp, bọc lót bài, Trịnh Ngọc L đã quy định mỗi người sẽ cầm “Cái” 03 ván. Quá trình đánh bạc, L sẽ chủ động nhặt và sắp bài để Lâm chia hoặc nếu đến lượt người khác chia thì L cũng giành sắp xếp bài. Khi sắp xếp bài thì L sẽ tính toán từng lá bài chia đến lượt mình để được lá bài tốt nhất, ví dụ: Có 05 người chơi, L là người nhận bài chia thứ 5 và thứ 10, thì quân bài thứ 5 và quân bài thứ 10 từ trên xuống L sẽ xếp lá “A” để khi tiến hành chia bài ra thì L được 02 quân bài “A” và thắng “Xì bàn”. Nếu đến lượt L chia bài thì nếu những người chơi khác muốn đảm bảo khách quan, tránh việc L bọc lót sắp xếp bài từ trước thì một trong những người chơi khác sẽ “cúp bài” (Tức là thay vì chia quân bài thứ nhất đầu tiên thì sẽ chọn 01 quân bài ở giữa bộ bài để chia đầu tiên), tuy nhiên, vì biết L sẽ sắp xếp, bọc lót bài để được quân bài tốt nhất thì Lê Trung D, T4, Nguyễn Hoàng T phối hợp chỉ cúp một vài ván để cho Nguyễn Chí T5 tin tưởng và tham gia đánh bạc. Đối với Nguyễn Chí T5, nếu L chia bài thì Nguyễn Chí T5 thường xuyên cúp bài, tuy nhiên, biết được điều đó nên mỗi lần thấy Nguyễn Chí T5 có ý định muốn cúp bài thì sau khi xếp bài xong thì L chia bộ bài xếp thành 02 ngán, khi Nguyễn Chí T5 cúp bài thì sẽ lấy đi phần bộ bài phía trên và để lại phần bộ bài phía dưới đã được L sắp xếp từ trước, như vậy khi chia bài thì L vẫn được quân bài tốt nhất và thắng Nguyễn Chí T5.

Quá trình đánh bạc, do Nguyễn Chí T5 chỉ mang theo và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc và thua số tiền trên, để kích thích ham muốn đánh bạc của Nguyễn Chí T5 nên D cho Nguyễn Chí T5 mượn tiền mặt 5.000.000 đồng, L cho mượn 10.000.000 đồng để đánh tiếp. Sau một thời gian đánh bạc thì Nguyễn Chí T5 thắng của những người trong sòng bạc số tiền 14.500.000 đồng tiền mặt và nợ L số tiền 190.000.000 đồng sau khi đặt cược bằng miệng với L (quá trình đánh bạc thì giữa L và Nguyễn Chí T5 có đặt cược riêng với nhau bằng miệng). Các đối tượng yêu cầu Nguyễn Chí T5 trả tiền, lúc này Nguyễn Chí T5 đã gọi điện nhờ Trần Dương H2 đến giải quyết giúp, khi anh H2 đến thì nhóm của L sợ bị phát hiện đánh cờ bạc “bịp” nên đã rời khỏi hiện trường, còn Nguyễn Chí T5 thì đang cầm trong tay số tiền 14.500.000 đồng và 1200 đô la Mỹ rồi nhờ H2 giữ hộ. Sau khi kiểm tra lại toàn bộ tài sản thì Nguyễn Chí T5 không bị mất tài sản gì, nhưng vì nghi bị các đối tượng sử dụng thuốc để chiếm đoạt tài sản nên Nguyễn Chí T5 đã trình báo lên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của Nguyễn Chí T5, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, triệu tập lấy lời khai các đối

tượng, người làm chứng, người liên quan và đưa Nguyễn Chí T5 đi xét nghiệm tại Bệnh viện Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/11/2019. Kết quả xét nghiệm máu của Nguyễn Chí T5 dương tính với M và nồng độ E (C) trong máu là 9.19 mmol/l (Nguyễn Chí T5 khai nhận trước thời điểm đi nhậu với nhóm của Trịnh Ngọc L thì Nguyễn Chí T5 không sử dụng bất kỳ chất ma túy nào).

Ngày 12/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình có Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần số 198/CSĐT-HS gửi Trung tâm G để trưng cầu giám định khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của Nguyễn Chí T5 trước, trong và sau khi thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 01/11/2019.

Ngày 06/01/2023, Trung tâm G có kết luận số 34/KLGGD kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ án đánh bạc, về y học: Nhiễm độc cấp (Methamphetamine + Ethanol) không biến chứng (F19.00); về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi. Tại thời điểm trước và sau gây án, Nguyễn Chí T5 đủ khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của mình.

Quá trình điều tra, các đối tượng còn khai nhận: L mang theo 2.000.000 đồng và đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc thì có thắng và cho Nguyễn Chí T5 mượn 10.000.000 đồng. Trước khi rời khỏi sòng bạc, Lâm thua 1.000.000 đồng và còn lại 1.000.000 đồng. Lê Trung D mang theo 10.000.000 đồng và đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, do Nguyễn Chí T5 chỉ mang theo 500.000 đồng để đánh bạc và thua hết số tiền trên nên Lê Trung D cho Nguyễn Chí T5 mượn 5.000.000 đồng. Trước khi rời khỏi sòng bạc, Lê Trung D thua hết số tiền trên. Nguyễn Hoàng T mang theo 1.000.000 đồng và đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trước khi rời khỏi sòng bạc, Nguyễn Hoàng T thua 500.000 đồng và còn lại 500.000 đồng. T4 mang theo 2.500.000 đồng và đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trước khi rời khỏi sòng bạc, T4 thua hết số tiền trên. Nguyễn Chí T5 mang theo 500.000 đồng để dùng vào việc đánh bạc. Ngoài ra còn khai nhận có mượn của L 10.000.000 đồng và Lê Trung D 5.000.000 đồng để đánh bạc. Còn số tiền 1200 USD (Đô la Mỹ) là của chị Ngô Thị Minh T7, trú tại Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình (là vợ của Nguyễn Chí T5) nhờ Nguyễn Chí T5 giữ hộ.

Cáo trạng số: 56/CT-VKSBD ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố các bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T, Hà Anh T4 bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2025/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T và Hà Anh T4 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2 Điều 174; Điều 38; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 3 Điều 57; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Trịnh Ngọc L 32 (ba mươi hai) tháng tù; tổng

hợp với hình phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 246/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo Trịnh Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 62 (sáu mươi hai) tháng tù.

- Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2 Điều 174; Điều 38; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Lê Trung D 15 (mười lăm) tháng tù.

- Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2 Điều 174; Điều 38; các điểm h, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm b khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 13 (mười ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ 35 tháng 06 ngày tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2022/HS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn. Được trừ thời gian bị cáo đã chấp hành là 31 tháng (từ 14/7/2022 đến 14/02/2025), còn lại 04 tháng 06 ngày quy đổi thành 01 tháng 12 ngày tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D và Nguyễn Hoàng T đi chấp hành án.

- Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2 Điều 174; Điều 36; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Hà Anh T4 36 (ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Án sơ thẩm còn tuyên việc xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 25/02/2025 bị cáo Lê Trung D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Hoàng T kháng cáo xin hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt; ngày 24/02/2025 (theo dấu bưu chính là ngày 25/2/2025) bị cáo Trịnh Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Bản án sơ thẩm đã xét xử, giữ nguyên kháng cáo, cả ba bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, riêng bị cáo Nguyễn Hoàng T xin được hưởng án treo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Ngọc L, sửa án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho Trịnh Ngọc L 03 tháng tù; không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo Lê Trung D và Nguyễn Hoàng T, giữ nguyên án sơ thẩm đối với hai bị cáo này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: các bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T và Hà Anh T4 đã bàn bạc, lên kế hoạch, mua thuốc “ham đánh bạc”, phân công vai trò, tạo bối cảnh, đi tìm và rủ rê người có tiền cùng tham gia đánh bạc, rồi gian lận trong quá trình đánh bạc để chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo đã có hành vi lén lút bỏ thuốc “ham đánh bạc” vào lon bia cho Nguyễn Chí T5 uống xong rồi rủ Nguyễn Chí T5 cùng đánh bạc với nhau bằng hình thức “Xi lác”, được thua bằng tiền. Các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối và kỹ thuật chia bài bằng cách sắp, lót, tráo đổi các quân bài (gọi là bịp bài) cố tình để cho Nguyễn Chí T5 thắng bạc trong sòng số tiền là 14.500.000 đồng nhưng lại thua bạc ngoài sòng do cá độ riêng với bị cáo L số tiền là 190.000.000 đồng. Hành vi đánh bạc này là phương thức, thủ đoạn trong chuỗi hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo đúng như kế hoạch từ đầu của các bị cáo. Khi các bị cáo đòi số tiền 190.000.000 đồng do Nguyễn Chí T5 cá độ thua bằng miệng với bị cáo L thì Nguyễn Chí T5 nghi ngờ có sự gian dối nên đã gọi điện nhờ anh H2 và một số người khác đến trợ giúp. Các bị cáo tuy chưa chiếm đoạt được số tiền 190.000.000 đồng của Nguyễn Chí T5 nhưng lo sợ bị phát giác nên đã tẩu thoát. Do vậy, Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật;

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

[2.1] Đối với bị cáo Trịnh Ngọc L: Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân; xét bị cáo L tham gia với vai trò khởi xướng, tích cực thực hiện hành vi phạm tội, có nhân thân xấu, có tình tiết tăng nặng “Tái phạm” do phạm tội mới trong quá trình thử thách án treo; quá trình điều tra và tại cấp sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã giúp Công an phát hiện, đấu tranh, triệt phá một số vụ việc, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn phường T, thành phố B là nơi bị cáo sinh sống và có bố là ông Trịnh Hùng S được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì. Cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 32 (ba mươi hai) tháng tù là tương xứng với vai trò, tính chất hành vi của bị cáo thực hiện, không nặng. Mặc dù tại cấp phúc thẩm, bị cáo trình bày thêm một số tình tiết mới để đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: bị cáo có đi phát quà từ thiện, xây nhà tình nghĩa cho những người khó khăn, hiện đang nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, vợ bị cáo bị bệnh hiểm nghèo, một mình bị cáo nuôi hai con nhỏ và bố bị cáo đã lớn tuổi không ai chăm sóc, tuy nhiên, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm dành cho bị cáo đã phù hợp nên không chấp nhận giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.2] Đối với bị cáo Lê Trung D: Bị cáo D tham gia vụ án với vai trò tích cực, nhận lời Trịnh Ngọc L để lừa người có tiền đánh bạc và rủ rê thêm Nguyễn Hoàng T. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tuy nhiên, do bị cáo có nhân thân tốt, phạm

tội lần đầu, bố và mẹ bị cáo là những người có công với cách mạng, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 15 tháng tù, dưới khung hình phạt là phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không đưa ra tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt nên không Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

[2.3] Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T: Bị cáo T tham gia vụ án với vai trò tích cực, nhận lời của Lê Trung D để lừa người có tiền đánh bạc và chính bị cáo Nguyễn Hoàng T là người rủ rê bị hại Nguyễn Chí T5 tham gia đánh bạc để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tuy nhiên, do bị cáo được Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q xác nhận trong năm 2021 đã có thành tích hợp tác với cơ quan Công an trong việc phát hiện tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bố, mẹ bị cáo đều là những người có công với Nhà nước, có công với cách mạng, được tặng nhiều danh hiệu, huy chương. Toà án cấp sơ thẩm áp dụng các điểm h, s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 13 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp một số tình tiết mới làm căn cứ xin giảm nhẹ hình phạt, gồm: bị cáo Nguyễn Hoàng T cung cấp Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại Nguyễn Chí T5 và Đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã giảm nhẹ mức hình phạt đáng kể cho bị cáo rồi, do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo về hình phạt.

[3] Do kháng cáo của bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2025/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 174; Điều 38; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 3 Điều 57; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Trịnh Ngọc L 32 (ba mươi hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 246/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo Trịnh Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là

62 (sáu mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Trịnh Ngọc L đi thi hành án.

- Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 174; Điều 38; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Lê Trung D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Lê Trung D đi thi hành án.

- Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 174; Điều 38; các điểm h, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm b khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 13 (mười ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt cải tạo không giam giữ 35 tháng 06 ngày về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2022/HS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, được trừ đi thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 31 (ba mươi một) tháng (từ 14/7/2022 đến 14/02/2025), còn lại 04 (bốn) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ, quy đổi thành 01 (một) tháng 12 (mười hai) ngày tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Hoàng T đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b khoản 2 điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trịnh Ngọc L, Lê Trung D, Nguyễn Hoàng T phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2025/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/5/2025).

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA thị xã Ba Đồn
- Phòng HSNVCS-CA Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Lưu: HS vụ án, án văn tòa HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

